

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN

Số: 01.2025/PA-TRS:

Kính gửi: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

Chúng tôi là:	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HẢI
Địa chỉ trụ sở chính:	34 Nguyễn Thị Nghĩa, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0304184415 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/01/2006, thay đổi lần thứ 28 ngày 17/10/2024.	
Điện thoại:	Fax:
Người đại diện theo pháp luật:	Ông Nguyễn Văn Quý Chức vụ: Tổng Giám đốc
Căn cước công dân số 001065019043 do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội cấp ngày 05/10/2022.	
Tài khoản đồng Việt Nam (nếu có) số: 0071000355963 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.	
Tài khoản ngoại tệ (nếu có) số: 0071370355973 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.	
Sau đây gọi tắt là “ Khách hàng ”	

Khách hàng cung cấp cho Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “**Ngân hàng**”) phương án vay vốn theo các nội dung sau:

A - TÓM TẮT TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH, SẢN XUẤT, KINH DOANH

1. Tình hình tài chính đến ngày 31 tháng 12 năm 2024: (Đơn vị tính: Triệu đồng)

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024
1	Vốn chủ sở hữu	264.231
2	Nợ phải thu ngắn hạn	165.495
3	Nợ phải thu của Khách hàng	98.606
4	Hàng tồn kho	40.212
5	Nợ phải trả	188.565

2. Tình hình sản xuất và kinh doanh đến ngày 31 tháng 12 năm 2024: (Đơn vị tính: Triệu đồng)

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024
1	Tổng doanh thu	1.080.942
2	Doanh thu thuần	1.077.411
3	Lợi nhuận sau thuế	35.782

- Mặt hàng/lĩnh vực kinh doanh chính: thương mại hàng hóa nhập khẩu từ nước ngoài và cung cấp các dịch vụ vận tải, kho bãi, vận chuyển cho các đối tác trong nước.
- Thị trường, tình hình tiêu thụ: tiêu thụ trong nước, tình hình tiêu thụ ổn định.

3. Tài sản bảo đảm của khách hàng tại các TCTD khác:

- Hợp đồng tiền gửi trị giá 56 triệu đồng;

- Thửa đất 186, tờ bản đồ số 37, xã Phú Thạnh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai;
 - Quyền sử dụng đất tại địa chỉ DT 743C Lái Thiêu Dĩ An, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương;
 - Phương tiện vận tải hình thành từ vốn vay.
4. Các thông tin cụ thể khác xác định theo báo cáo tài chính năm, kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư (nếu cần), kế hoạch tài chính (nếu có) kèm theo Phương án sử dụng vốn này.
- Báo cáo tài chính năm 2024 là báo cáo tài chính kiểm toán.
 - Tờ khai thuế GTGT năm 2023 và năm 2024.
 - Chi tiết các khoản mục Phải thu khách hàng, Hàng tồn kho, Phải trả người bán năm 2024.

B - TÓM TẮT VỀ PHƯƠNG ÁN VAY VỐN

1. Tổng số tiền vay quy đồng Việt Nam là: **50.000.000.000 VND** (Bằng chữ: Năm mươi tỷ đồng).
 - Hạn mức vay ngắn hạn: **50.000.000.000 VND** (Bằng chữ: Năm mươi tỷ đồng);
 - Hạn mức bảo lãnh ngắn hạn: **50.000.000.000 VND** (Bằng chữ: Năm mươi tỷ đồng);
 - Hạn mức phát hành thư tín dụng ngắn hạn: **50.000.000.000 VND** (Bằng chữ: Năm mươi tỷ đồng);
 - Hạn mức thế tín dụng: **2.000.000.000 VND** (Bằng chữ: Hai tỷ đồng).
2. Mục đích vay: Tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh theo kế hoạch kinh doanh của Công ty nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho các hoạt động đầu tư tài sản cố định.
3. Tổng nguồn vốn cần sử dụng và Cơ cấu nguồn vốn thực hiện phương án:

(Đơn vị: Triệu đồng)

Nguồn vốn	Số tiền	Tỷ lệ %
Vốn tự có	67.875	14,9%
Vốn huy động khác	338.672	74,2%
Vốn vay tại VCB	50.000	11,0%
Tổng số vốn	456.547	100,0%

4. Thời hạn vay:
 - Thời hạn vay trên từng giấy nhận nợ: Tối đa 05 tháng cho từng lần nhận nợ vay.
 - Thời hạn duy trì hạn mức cấp tín dụng: 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng tín dụng và tối đa thêm 03 tháng nếu được Ngân hàng chấp thuận gia hạn.
5. Phương thức cho vay: vay độc lập
6. Lãi suất vay theo đề nghị: Theo lãi suất thỏa thuận tại thời điểm Công ty nhận nợ.
7. Biện pháp bảo đảm khoản vay:

☒ Thế chấp/cầm cố tài sản là:

 - Thế chấp tài sản thuộc quyền sở hữu và/hoặc sử dụng hợp pháp của **Công ty** bao gồm nhưng không giới hạn cụ thể như sau: Tài sản là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, giấy tờ có giá, sổ dư trên tài khoản tiền gửi và các tài sản khác.
 - Thế chấp tài sản thuộc quyền sở hữu và/hoặc quyền sử dụng hợp pháp của **Bên thứ ba** bao gồm nhưng không giới hạn cụ thể như sau: Tài sản là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn

liên với đất, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, giấy tờ có giá, số dư trên tài khoản tiền gửi và các tài sản khác.

- Hoặc đề nghị Ngân hàng cấp tín dụng không có tài sản đảm bảo cho Công ty.

Trong đó, tài sản thế chấp hiện tại như sau:

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1118, tờ bản đồ số 1, địa chỉ: 106 Đường Đồng Văn Cống, Khu phố 4, Phường Thạnh Mỹ Lợi, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Tài sản thuộc quyền sở hữu và/hoặc sử dụng hợp pháp của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng Hải;
- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1119, tờ bản đồ số 1, địa chỉ: 108 Đường Đồng Văn Cống, Khu phố 4, Phường Thạnh Mỹ Lợi, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Tài sản thuộc quyền sở hữu và/hoặc sử dụng hợp pháp của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng Hải;
- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1120, tờ bản đồ số 1, địa chỉ: 110 Đường Đồng Văn Cống, Khu phố 4, Phường Thạnh Mỹ Lợi, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Tài sản thuộc quyền sở hữu và/hoặc sử dụng hợp pháp của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng Hải;
- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1121, tờ bản đồ số 1, địa chỉ: 112 Đường Đồng Văn Cống, Khu phố 4, Phường Thạnh Mỹ Lợi, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Tài sản thuộc quyền sở hữu và/hoặc sử dụng hợp pháp của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng Hải;
- Các tài sản bảo đảm khác (nếu có).

8. Hiệu quả của phương án vay:

Kế hoạch kinh doanh năm 2025

Đơn vị tính: Triệu đồng

Hạng mục	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch dự kiến 12 tháng tới	
		Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
Doanh thu (theo sản phẩm, dịch vụ)	1.077.411	1.150.000	100,0%
- Thương mại	848.094	905.234	78,7%
- Cước vận chuyển quốc tế	4.133	4.411	0,4%
- Cước vận chuyển nội địa	67.369	71.908	6,3%
- Thuê kho	87.263	93.143	8,1%
- Phí dịch vụ khác	70.551	75.305	6,5%

STT	Hạng mục	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch dự kiến 12 tháng tới	
			Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Tổng doanh thu thuần	1.077.411	1.150.000	100,0%
2	Giá vốn hàng bán	931.845	985.568	85,7%
3	Lợi nhuận gộp	145.566	164.432	14,3%
4	Doanh thu tài chính	3.949	3.928	0,3%

5	Chi phí tài chính	7.240	8.564	0,7%
-	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>1.832</i>	<i>1.955</i>	<i>0,2%</i>
6	Chi phí bán hàng	39.177	50.304	4,4%
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	66.544	72.768	6,3%
8	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	36.554	36.724	3,2%
9	Thu nhập khác	8.669	8.800	0,8%
10	Chi phí khác	397	400	0,0%
11	Lợi nhuận khác	8.272	8.400	0,7%
12	Lợi nhuận trước thuế	44.827	45.124	3,9%
13	Lợi nhuận sau thuế	35.782	36.099	3,1%

Nhu cầu vốn lưu động năm 2025

Tổng nhu cầu vốn <i>Tổng chi phí - Khấu hao - Lãi vay</i>	1.095.714	triệu đồng
Số vòng quay VLD kế hoạch	2,4	vòng/năm
Nhu cầu vốn lưu động cần thiết	456.547	100%
Trong đó:		
+ Vốn đề nghị vay VCB	50.000	11,0%
+ Vốn tự có	67.875	14,9%
+ Vốn huy động khác	338.672	74,2%

9. Kế hoạch trả nợ:

- 9.1. Nguồn trả nợ: toàn bộ **lợi nhuận và doanh thu** từ hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng Hải.
- 9.2. Kế hoạch trả nợ vay:
 - Trả nợ gốc (cuối kỳ/từng lần/kỳ): **cuối kỳ** hoặc trả nợ trước hạn khi dòng tiền kinh doanh về sớm hơn dự kiến.
 - Trả lãi tiền vay: **vào ngày 26 hàng tháng.**

C - NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA KHÁCH HÀNG

1. Thông tin về người có liên quan của Khách hàng (nếu có) được Khách hàng cung cấp cho Ngân hàng theo Phụ lục lập kèm theo Phương án sử dụng vốn này.
2. Phụ lục thông tin về người có liên quan của Khách hàng là một bộ phận không thể tách rời của Phương án sử dụng vốn này.

D - CAM ĐOAN VÀ CAM KẾT

Với mọi trách nhiệm thuộc về mình, Khách hàng cam đoan và cam kết với Ngân hàng như sau:

1. Các thông tin, tài liệu, báo cáo tài chính và thông tin về người có liên quan cung cấp cho Ngân hàng là chính xác, còn hiệu lực, cập nhật, phản ánh đúng sự thật; cung cấp thông tin, hồ sơ trung thực, kịp thời, đầy đủ cho Ngân hàng nếu thay đổi thông tin, hoặc để để xác minh các yếu tố liên quan khi Ngân hàng có yêu cầu.
2. Việc ký kết, thực hiện các thủ tục vay vốn tại Ngân hàng không vi phạm quy định của pháp luật, quy định nội bộ của Khách hàng cũng như các cam kết, thỏa thuận giữa Khách hàng và bất kỳ chủ thể nào khác.

3. Thực hiện kịp thời, đầy đủ các quy định của Ngân hàng và quy định của pháp luật trong quá trình vay vốn tại Ngân hàng.
4. Sử dụng vốn vay đúng mục đích theo cam kết, thỏa thuận với Ngân hàng; trả đầy đủ, đúng hạn nợ gốc, lãi tiền vay, phí và nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) theo cam kết, thỏa thuận với Ngân hàng.
5. Tài sản bảo đảm cho khoản cấp tín dụng tại Ngân hàng (nếu có) được hình thành hợp pháp, hợp lệ, không có tranh chấp, và thuộc sở hữu, sử dụng hợp pháp của Bên Bảo Đảm.
6. Nguồn tiền của phần vốn tự có, các bên tham gia vào phương án sử dụng vốn; nguồn tiền dùng để thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nghĩa vụ tài chính khác là hợp pháp, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật và quy định của Ngân hàng về phòng, chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, tuân thủ cấm vận.
7. Hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ thuế và nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) với Nhà nước tính đến thời điểm vay vốn.
8. Đồng ý để Ngân hàng tra cứu thông tin về Khách hàng tại các bên thứ ba liên quan; xác thực các thông tin về Khách hàng từ bất kỳ nguồn thông tin nào mà Ngân hàng có được để phục vụ mục đích thẩm định. Ngân hàng có quyền sử dụng các thông tin về Khách hàng và các khoản vay của Khách hàng bao gồm cả các thông tin từ các văn bản, tài liệu do Khách hàng cung cấp; Các hợp đồng, văn bản mà Khách hàng ký kết với Ngân hàng để cung cấp cho các Đơn vị có chức năng cung cấp dịch vụ thông tin tín dụng và/hoặc đánh giá tín nhiệm hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, hoặc cung cấp cho các đối tác hợp tác với Ngân hàng để phát triển, cung cấp các sản phẩm, dịch vụ của Ngân hàng.
9. Đã đọc kỹ, hiểu rõ và hoàn toàn tự nguyện tham gia ký kết, thực hiện thủ tục vay vốn tại Ngân hàng. Nếu vi phạm bất kỳ cam kết nào nêu trên, Khách hàng cam kết chịu trách nhiệm bồi thường cho Ngân hàng.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 04 năm 2025

Người đại diện hợp pháp của Khách hàng

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu nếu có)

Các tài liệu đính kèm:

- BCTC kiểm toán 2024;
- Chi tiết hàng tồn kho, phải thu, phải trả năm 2024.



**TỔNG GIÁM ĐỐC
NGUYỄN VĂN QUÝ**

PHỤ LỤC
THÔNG TIN VỀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA KHÁCH HÀNG
THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VÀ CỦA VCB

(Kèm theo Phương án sử dụng vốn số 01.2025/PA-TRS ngày 11/04/2025)

Thông tin về người có liên quan của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng Hải (sau đây gọi tắt là “Khách hàng”) bao gồm¹:

	Phân loại người có liên quan của Khách hàng	Tên tổ chức/ cá nhân	Mã số thuế/ Số ĐKKD/ Mã số DN (với tổ chức) CMND/CCCD/Hộ chiếu² (với cá nhân)	Địa chỉ trụ sở chính (với tổ chức) Địa chỉ cư trú (với cá nhân)	Quan hệ với Khách hàng³
<input type="checkbox"/>	Công ty mẹ ⁴ của Khách hàng.				
<input type="checkbox"/>	Công ty con của Khách hàng.				
<input type="checkbox"/>	Đơn vị phụ thuộc của Khách hàng.				
<input type="checkbox"/>	Công ty khác có cùng Công ty mẹ với Khách hàng.				
<input checked="" type="checkbox"/>	Tổ chức, cá nhân sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết của Khách hàng.	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Hợp tác đầu tư Giao thông Vận tải (Tracimexco)	0300450289	36 Bạch Đằng, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. HCM.	Thành viên góp vốn. Tỷ lệ vốn góp: 16,12%.
		Nguyễn Văn Quý	001065019043	64/14 Cù Lao, Phường 2, Quận Phú Nhuận, TP.HCM	Thành viên góp vốn. Tỷ lệ vốn góp: 20,03%.
		Trần Việt Huy	035072000396	D6, Lô D, 552-588 Cách Mạng Tháng 8, Phường 11, Quận 3, TP.HCM	Thành viên góp vốn. Tỷ lệ vốn góp: 16,94%.
		Đỗ Văn Mười	072072002452	24/7 Phùng Văn Cung, Phường 7, Quận Phú Nhuận, TP.HCM	Thành viên góp vốn. Tỷ lệ vốn góp: 16,94%.
		Nguyễn Như Song	001062016110	-/-	Thành viên góp vốn. Tỷ lệ vốn góp: 6%.
<input type="checkbox"/>	Cá nhân được ủy quyền đại diện phần vốn góp, cổ phần cho Khách hàng.				
<input type="checkbox"/>	Tổ chức mà Khách hàng sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên.				

¹ Đánh dấu, ghi nội dung tương ứng vào ô thích hợp và bỏ ô không thích hợp

² kê khai toàn bộ các Giấy tờ định danh (CCCD/CMT/Hộ Chiếu).

³ Ghi tỷ lệ góp vốn, quan hệ điều hành, kiểm soát, quan hệ khác ...

⁴ Một công ty được coi là công ty mẹ của công ty khác nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây: (i) Sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông của công ty đó; (ii) Có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của công ty đó; (iii) Có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty đó.

<input type="checkbox"/>	Người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của Công ty mẹ của Khách hàng.				
<input type="checkbox"/>	Cá nhân hoặc tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của Công ty mẹ của Khách hàng.				
<input type="checkbox"/>	Người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của Khách hàng.				
<input type="checkbox"/>	Công ty, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của Khách hàng.				
<input type="checkbox"/>	Công ty con mà Khách hàng có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý, thành viên Ban kiểm soát Công ty mẹ.				
	Công ty, tổ chức mà Khách hàng có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý, thành viên Ban kiểm soát.				
<input type="checkbox"/>	Người có quan hệ gia đình ⁵ của Người quản lý của Khách hàng.				
<input type="checkbox"/>	Người có quan hệ gia đình của thành viên Ban kiểm soát của Khách hàng.				
<input type="checkbox"/>	Người có quan hệ gia đình của thành viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Khách hàng.				
<input type="checkbox"/>	Công ty có thành viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên là Người có quan hệ gia đình của thành viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Khách hàng.				
<input type="checkbox"/>	Công ty có cá nhân hoặc nhóm cá nhân có mối quan hệ gia đình là thành viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên đồng thời là thành viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Khách hàng.				

⁵ Người có quan hệ gia đình bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.

PHỤ LỤC THÔNG TIN

(Kèm theo Phương án sử dụng vốn số 01.2025/PA-TRS ngày 11/04/2025)

A/ Thông tin phi tài chính:

1. Danh sách cổ đông góp vốn:

STT	Tên cá nhân/ tổ chức (người đại diện)	Số CMND (số ĐKSH)	Ngày cấp	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Công ty CP XNK và Hợp tác đầu tư GTVT	0300450289	23/11/2010	1.055.037	16,12%
2	Đỗ Văn Mười	072072002452	18/05/2018	1.108.818	16,94%
3	Nguyễn Văn Quý	001065019043	05/10/2022	1.311.021	20,03%
4	Trần Việt Huy	035072000396	21/12/2021	1.108.846	16,94%
5	Nguyễn Như Song	001062016110	30/08/2018	392.928	6%
6	Các cổ đông nắm giữ dưới 5% vốn điều lệ			1.567.618	23.95%
	Tổng cộng			6.544.268	100,00%

2. Đất đai nhà xưởng kho bãi

#	Hạng mục	Vị trí	Diện tích (ha/m ²)	Năm đưa vào sử dụng	Sở hữu/ Đi thuê	Đã thế chấp?
1.	Trụ sở Công ty	34 Nguyễn Thị Nghĩa, P.Bến Thành, Quận 1	DT đất: 103,1 m ² DTSD: 538,47 m ²	2012	Sở hữu của Công ty	Đã thế chấp VCB
2.	Trung tâm kho vận Bình Dương	6/4 Đường DT743 xã Bình Hòa, Huyện Thuận An, Tỉnh Bình Dương	DT đất: 9.814,7 m ² DTSD: 9.554,3 m ²	2014	Sở hữu của Công ty	Đã thế chấp MB
3.	Quyền sử dụng đất	Phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, TP.HCM	DT đất: 473.6 m ²		Sở hữu của Công ty	Đã thế chấp VCB
4.	Kho Đồng Nai	KCN Nhơn Trạch, Đồng Nai	DT đất: 16.818 m ²	Tháng 3/2021	Sở hữu của Công ty	Đã thế chấp Sacombank
5.	Kho Dĩ An, Bình Dương	243 Bis Trường Sơn, Dĩ An, Bình Dương	DT đất: 862 m ² DTSD: 1.566,1 m ²	2006	Sở hữu của Công ty	Không

3. Máy móc thiết bị:

#	Hạng mục	Xuất xứ	Quy mô, công suất	Năm đưa vào sử dụng	Sở hữu/ Đi thuê	Đã thế chấp?
1.	Xe dầu kéo: 24 chiếc	Mỹ	Cont 20', cont 40'	2018->2024	Sở hữu	Chưa thế chấp
2.	Somi Romooc: 62 chiếc	Việt Nam	Cont 20', cont 40'	2018->2024	Sở hữu	Chưa thế chấp

3.	Xe tải nhẹ: 17 chiếc	Việt Nam	1 tấn -> 8 tấn	2019->2024	Sở hữu	Chưa thể chấp
4.	Ô tô 7 chỗ: 3 chiếc, Ô tô 4 chỗ: 1 chiếc	Đức, Nhật		2015	Sở hữu	Chưa thể chấp

4. Các nhà cung cấp chính:

#	Nhà cung cấp	Nguyên, nhiên, vật liệu, đầu vào khác	Tỷ trọng chi phí (%)	Phương thức giao hàng, thanh toán
1.	Starbucks Corporation	Thực phẩm, nước giải khát các loại...	22%	CIF, TTR sau 30 ngày
2.	Havi GS Asia Pacific	Thực phẩm, nước giải khát các loại	13%	CIF, TTR sau 30 ngày
3.	Monin Asia KL SDN BHD	Nước uống siro các loại	9%	CIF, TTR sau 30 ngày
4.	Công ty TNHH TMDV Happy Phone	Điện thoại di động Iphone, Samsung các loại	7%	CIF, TTR sau 30 ngày
5.	Yiwu Biyang Import And Export Co., Limited	Hàng hóa tiêu dùng các loại	4%	CIF, TTR sau 30 ngày
6.	Inkcups Now Corp	Mực in, thiết bị máy in các loại	3%	CIF, TTR sau 30 ngày

5. Các bên tiêu thụ:

#	Bên tiêu thụ	Sản phẩm	Tỷ trọng doanh thu (%)	Phương thức giao hàng, thanh toán
1.	Công ty TNHH Thực Phẩm & Nước Giải Khát Ý Tưởng Việt	Thực phẩm, nước giải khát các loại	24%	Trả chậm 30 ngày
2.	Good Day Hospitality Joint Stock Company	Thực phẩm, nước giải khát các loại	12%	Trả chậm 30 ngày
3.	Công ty TNHH URC Việt Nam	Dịch vụ khai hải quan & vận chuyển	7%	Trả chậm 30 ngày
4.	Rich Step Trading Ltd	Điện thoại di động Iphone, Samsung các loại	5%	Trả ngay
5.	Monin Vietnam Company Limited	Nước uống siro các loại	3%	Trả chậm 30 ngày
6.	Cuc Tay Trading LLC	Hàng hóa tiêu dùng các loại	3%	Trả chậm 30 ngày

6. Bộ máy ban lãnh đạo:

Chức vụ	Họ tên	Lĩnh vực quản lý	Năm sinh	Trình độ	Kinh nghiệm	Thời gian bổ nhiệm	Kinh nghiệm chuyên môn
Chủ tịch HĐQT kiêm GDTC	Đỗ Văn Mười	Tài chính – Kế toán	1972	Cao học	>20 năm	2020	Tài chính – kế toán

Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Nguyễn Văn Quý	Tổng điều hành	1965	Đại học	>20 năm	2020	Vận tải Hàng hải
Thành viên HĐQT kiêm GĐĐH	Trần Việt Huy	Điều hành	1972	Cao học	>20 năm	2018	Vận tải Hàng hải
Giám đốc nghiệp vụ	Hồ Trọng Bình	Nghiệp vụ	1973	Cao học	>20 năm	2020	Vận tải Hàng hải

B/ Thông tin tài chính:

1. Cơ cấu doanh thu, giá vốn, lợi nhuận:

(Đơn vị tính: triệu đồng)

Năm 2022

#	Sản phẩm dịch vụ	Năm 2022		
		Doanh thu	Giá vốn	Lợi nhuận gộp
1	Thương mại	501.144,29	483.130,15	18.014,14
2	Cước vận chuyển quốc tế	6.307,34	4.984,25	1.323,09
3	Cước vận chuyển nội địa	64.406,01	30.547,49	33.858,52
4	Thuê kho	34.912,45	20.438,72	14.473,73
5	Phí dịch vụ khác	126.097,49	74.789,42	51.308,07
	Tổng cộng	732.867,58	613.890,03	118.977,55

Năm 2023

#	Sản phẩm dịch vụ	Năm 2023		
		Doanh thu	Giá vốn	Lợi nhuận gộp
1	Thương mại	776.023,91	750.779,11	25.244,80
2	Cước vận chuyển quốc tế	19.572,98	15.435,46	4.137,52
3	Cước vận chuyển nội địa	67.589,42	46.408,05	21.181,37
4	Thuê kho	28.169,71	20.612,37	7.557,34
5	Phí dịch vụ khác	120.936,43	45.940,01	74.996,42
	Tổng cộng	1.012.292,45	879.174,99	133.117,45

Năm 2024

#	Sản phẩm dịch vụ	Năm 2024		
		Doanh thu	Giá vốn	Lợi nhuận gộp
1	Thương mại	848.094,34	808.035,00	40.059,34
2	Cước vận chuyển quốc tế	4.132,67	2.845,57	1.287,10
3	Cước vận chuyển nội địa	67.368,83	45.645,86	21.722,97
4	Thuê kho	87.263,26	55.843,51	31.419,75
5	Phí dịch vụ khác	70.551,43	19.474,89	51.076,54
	Tổng cộng	1.077.410,53	931.844,83	145.565,70